

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

**HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

Số: 011.2023.HT.CNKK.QG/HĐKHCN.

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm; kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng giai đoạn 2022-2025 tham gia “Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BCT ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2023 tham gia “Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025” thực hiện Đề án “Đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2025”.

CHÚNG TÔI GỒM:**1. Bên đặt hàng (Bên A): Bộ Công Thương****1.1. Vụ Khoa học và Công nghệ - Đại diện cơ quan đặt hàng**

- Đại diện là ông: Đào Trọng Cường
- Chức vụ: Phó Vụ trưởng - Vụ Khoa học và Công nghệ
- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024 22202316 Fax: 024 22202525

1.2. Văn phòng Bộ Công Thương - Chủ Tài khoản

- Đại diện là bà: Nguyễn Thị Lâm Giang
- Chức vụ: Chánh Văn phòng
- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024 22202233 Fax: 024 22202525
- Số tài khoản: 9527/9523.1.1053956 tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội.
- Mã QHNS: 1053956

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): Trung tâm Khoa học công nghệ Mỏ và Môi trường – Trường đại học Mỏ - Địa chất**2.1. Đơn vị chủ trì**

- Đại diện là ông: Nguyễn Văn Bưởi
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 18 phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: +84-24-37520356 Fax: +84-24-37520356
- Số tài khoản: 3751.0. 9088580 mã kho bạc : 0017
- Tại: Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm Hà Nội
- Mã QHNS: 9088580

2.2. Chủ nhiệm nhiệm vụ

- Họ và tên: Phạm Văn Hòa
- Chức vụ: Trưởng khoa Mỏ, Phó giám đốc trung tâm
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/03/1976
- Học hàm, học vị: Phó giáo sư
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ
- Điện thoại: 0858080886 Email: phamvanhoa@humg.edu.vn

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ “Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý và thực hiện công tác khoan - nổ mìn cho các mỏ than lộ thiên vùng Quảng Ninh” theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ kèm theo Hợp đồng này (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 24 tháng, từ tháng 03 năm 2023 đến tháng 03 năm 2025

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ được thực hiện theo hình thức khoán chi một phần.

2. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ là 9.000.000.000 đ (Bằng chữ: Chín tỷ đồng) trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 6.500.000.000 đ (Bằng chữ: sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

+ Kinh phí khoán: 6.500.000.000 đ (Bằng chữ: sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

+ Kinh phí không giao khoán: 0 đ (Bằng chữ: Không đồng).

- Kinh phí từ nguồn khác: 2.500.000.000 đ (Bằng chữ: hai tỷ năm trăm triệu đồng).

3. Tiến độ cấp kinh phí:

- Tạm ứng lần đầu không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt từ ngân sách nhà nước và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước năm được cấp có thẩm quyền giao.

- Những lần tạm ứng/ thanh toán tiếp theo được thực hiện theo khối lượng công việc đã thực hiện hoặc theo đề nghị của đơn vị nhưng vẫn theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của nhiệm vụ và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ;

c) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

d) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện nhiệm vụ;

đ) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

e) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

g) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

h) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

i) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kinh phí do Bên A cấp cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Hợp đồng đã ký kết; chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu và chịu sự kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật; thanh toán kinh phí đã tạm ứng các đợt trước, để nhận kinh phí tạm ứng của đợt tiếp theo;

l) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành

khi kết thúc nhiệm vụ. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

m) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

n) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

o) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

p) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

q) Công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được Bên A cho phép;

r) Chủ nhiệm nhiệm vụ cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong nhiệm vụ và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

s) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ;

t) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

u) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu theo đúng quy định.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:
 - a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;
 - b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức "Đạt" trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “Không đạt” và không được Bộ Công Thương cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn thiện kết quả thì việc xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.


3. Đối với nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì việc xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Đối với nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng¹

Khi chấm dứt Hợp đồng, tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ (gồm tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ và tài sản là kết quả của nhiệm vụ) được quản lý, sử dụng, xử lý theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Đối với nhiệm vụ được ngân sách nhà nước hỗ trợ, nhà nước thực hiện quyền sở hữu đối với phần tài sản hình thành tương ứng với tỷ lệ vốn đóng góp tại nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ là tài sản đồng sở hữu; hình thức xử lý tài sản đồng sở hữu được quy định tại Điều 19 và khoản 2, Điều 22, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; trình tự, thủ tục được thực hiện theo các quy định hiện hành.

¹ Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ không có tài sản nào được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước. 

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng gồm 21 trang bao gồm cả phụ lục được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 04 bản./.

Đại diện Bên A
TL. BỘ TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



[Signature]
Đào Trọng Cường

Đại diện Bên B
TRUNG TÂM KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ MỎ VÀ MÔI
TRƯỜNG



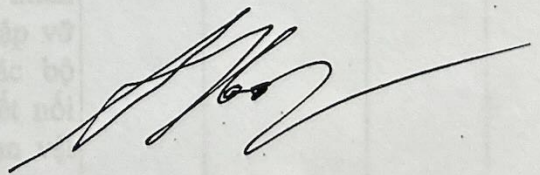
[Signature]
GIÁM ĐỐC
TS. Nguyễn Văn Bưởi

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG
CHỖ VĂN PHÒNG



[Signature]
Nguyễn Thị Lâm Giang

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ



Phạm Văn Hòa

DANH SÁCH CÁN BỘ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên, Học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài	Số ngày công thực hiện đề tài	Tổ chức công tác
1	PGS.TS. Phạm Văn Hòa	Chủ nhiệm đề tài	291	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
2	ThS. Lê Việt Hà	Thư ký đề tài	300	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
3	TS. Trần Thùy Dương	Thành viên thực hiện chính	280	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
4	PGS.TS. Phạm Văn Luận	Thành viên thực hiện chính	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
5	ThS. Phạm Văn Việt	Thành viên thực hiện chính	280	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
6	TS. Dương Thành Trung	Thành viên thực hiện chính	290	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
7	TS. Nguyễn Thế Công	Thành viên thực hiện chính	290	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
8	TS. Trần Đình Bảo	Thành viên thực hiện chính	280	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
9	TS. Lê Văn Quyền	Thành viên thực hiện chính	380	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
10	TS. Trần Quang Hiếu	Thành viên thực hiện chính	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
11	TS. Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên thực hiện chính	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
12	TS. Nguyễn Đình An	Thành viên thực hiện chính	280	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
13	TS Trần Mạnh Tiến	Thành viên thực hiện chính	280	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
14	ThS Đỗ Ngọc Tú	Thành viên thực hiện chính	260	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
15	TS. Lê Thị Thu Hoa	Thành viên thực hiện chính	276	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
16	Th.S Nguyễn Việt Thắng	Thành viên thực hiện chính	290	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
17	TS Đỗ Ngọc Hoàn	Thành viên thực hiện chính	280	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
18	TS Đào Hiếu	Thành viên thực hiện chính	290	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
19	ThS Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên thực hiện chính	290	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường

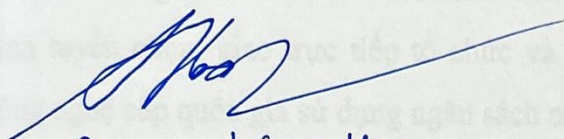
20	TS. Phạm Thanh Hải	Thành viên	210	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
21	ThS Phùng Tiến Thuật	Thành viên	230	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
22	ThS Trần Văn Đước	Thành viên	210	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
23	ThS. Nguyễn Nam Hoà	Thành viên	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
24	TS. Vũ Đình Trọng	Thành viên	280	Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh
25	KS. Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	230	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
26	Lại Đức Trường	Thành viên	280	Công ty Cổ phần Công nghệ hạ tầng cơ sở Aitogy Doanh nghiệp KH và CN
27	ThS Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
28	KS. Trần Văn Dũng	Thành viên	30	Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ
29	ThS Trịnh Quang Trung	Thành viên	80	Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ
30	ThS. Hoàng Cao Phong	Thành viên	80	Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ
31	TS. Nguyễn Văn Bưởi	Thành viên	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
32	TS Đào Văn Chi	Thành viên	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
33	CN. Đỗ Đức Ngọc	Thành viên	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
34	ThS. Nguyễn Xuân Hoàn	Thành viên	240	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
35	Cao Thị Quỳnh	Thành viên	230	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
36	KS. Nguyễn Văn Ván	Thành viên	220	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
37	KS. Trần Quốc Sơn	Thành viên	280	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
38	KS. Trần Ánh Dương	Thành viên	280	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
39	ThS Phạm Thị Nhấn	Thành viên	250	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
40	CN. Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	320	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
41	ThS Hoàng Thị Thúy	Thành viên	307	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường

42	KS. Vũ Thị Soan	Kỹ thuật viên	180	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
43	CN. Nguyễn Thị Bắc Hà	Kỹ thuật viên	181,5	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
44	THS. Phạm Thị Huyền	Kỹ thuật viên	179	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
45	CN. Phạm Thị Xuân	Kỹ thuật viên	180	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
Tổng			11114,5	

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Chủ nhiệm đề tài

(Họ và tên, chữ ký)


Phạm Văn Hòa

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Tổ chức chủ trì đề tài

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)




GIÁM ĐỐC
TS. Nguyễn Văn Bưởi